

第2課 読み物

日本語のスピーチスタイル

Phong cách ngôn ngữ tiếng Nhật

皆さんはもう敬語は勉強しましたか。家族や友達と話す時に使うカジュアルスピーチ（くだけた話し方）も習いましたか。日本語には色々なスピーチスタイルがあることは知っていますね。実は、日本語は話す時も書く時も、スタイルがとても複雑で色々な決まりや習慣があります。この課ではそれについて勉強してみましょう。

Chắc các bạn đã học Kính ngữ rồi đúng không? Các bạn cũng đã học văn nói thân thiện gần gũi được sử dụng khi giao tiếp với bạn bè và gia đình rồi đúng không? Các bạn có biết rằng trong tiếng Nhật có rất nhiều cách nói khác nhau đó. Và thực ra, ngay cả khi nói và viết thì văn phong tiếng Nhật có rất nhiều quy định phức tạp và những thói quen sử dụng khác nhau. Ở bài này chúng mình sẽ cùng nhau tìm hiểu về điều này nhé!

1. スピーチレベル（丁寧さ）の使い分け

Phân biệt cách sử dụng kính ngữ - lịch sự - thể thường

日本語はスピーチレベルがとても大切な言語なので、話す相手によって話し方を変えなければいけないことがあります。例えば、「さようなら」と「失礼します」や、「見せてね」と「見せていただけませんか」など、スピーチレベルの使い分けは日本語を勉強している人にとって最も難しいことのひとつだと言われています。スピーチスタイルには、「とてもくだけた話し方」から「とても丁寧な話し方」まで色々なレベルがありますが、どの部分が違うのでしょうか。次の文を見て考えてみましょう。

Tiếng Nhật là ngôn ngữ rất coi trọng mức độ lịch sự trong giao tiếp nên tùy theo người nghe mà chúng ta phải thay đổi cách nói chuyện cho phù hợp. Ví dụ như việc phân biệt mức độ lịch sự của 「さようなら」 hay 「失礼します」「見せてね」「見せていただけませんか」 được cho là một trong những nội dung khó nhất đối với người học tiếng Nhật. Sự lịch sự trong giao tiếp tiếng Nhật cũng phân ra nhiều mức độ khác nhau từ cấp

độ “thể ngữ xuống xã” đến “cách nói lịch sự” nhưng sự khác nhau ở đây là thuộc phần nào nhỉ? Chúng ta cùng nhau quan sát ở câu sau đây nhé!

- ① あいつ、どこ、住んでいる？（男性が使うことが多い）
- ② あの人の、どこに住んでるの？（女性が使うことが多い）
- ③ あの人はどこに住んでいますか。
- ④ あの方はどちらに住んでいらっしゃいますか。

1. Aitsu, doko, sunderu ? *Hắn đang sống ở đâu vậy?*(nam giới dùng nhiều)
2. Anohito , dokoni sunderu no ? *Người đó đang sống ở đâu nhỉ?* (nữ giới dùng nhiều)
3. Anohitowa dokoni sundeimasuka *Người đó đang sống ở đâu vậy ạ?*
4. Anokatawa dochirani sundeirasshaiimasuka *Vị đó đang sống ở đâu vậy ạ?*

皆さんは今までに何番の言い方を勉強しましたか。この四つの文を比べると、まず文末に使われている言葉の形で「^{ぶんまつ}くだけた話し方」か「丁寧な話し方」かが分かります。でも、^{ちが}違いは文末だけに^{あらわ}表れるのではありません。

「どこ」を「どちら」にすれば、もっと丁寧な言い方になります。

「あの人の」代わりに「あの方」や「あいつ」と言うことも出来ます。

そして、「どこに住んでるの？」と「い」を言わなかったり、「どこ、住んでるの？」と「に」を落として言ったりすると、もっとくだけた感じになります。自然な話し方で話せるようになるためには、多くの日本人と色々な場面で話したり、日本の映画やドラマを見て、どんな場面で、どんな人が、どんな相手に、どんな話し方をしているかをよく^{かんさつ}観察するといいでしょう。次のページの「色々なスピーチレベル」の表を見て、言い方を比べてみて下さい。

Các bạn đã học cách nói tiếng Nhật nào ở trên? So sánh 4 câu trên thì dựa vào hình thức từ vựng được sử dụng ở cuối câu chúng ta có thể nhận ra được đâu là cách nói suồng sã, đâu là cách nói lịch sự. Tuy nhiên, sự khác nhau không chỉ thể hiện ở cuối câu. Từ 「どこ」 chuyển sang dùng 「どちら」 sẽ giúp cho cách nói trở nên lịch sự và trang trọng hơn. Hay thay vì dùng 「あの人の」 chúng ta cũng có thể chuyển sang dùng 「あの方」 hay 「あいつ」. Hơn nữa, ngay trong câu 「どこに住んでるの？」 thì từ 「い」 cũng không dùng, hay lược bỏ 「に」 thành 「どこに住んでるの？」 sẽ giúp câu nói trở

nên thân quen, gần gũi hơn. Và để có thể nói chuyện mọi cách tự nhiên hơn chúng ta nên nói chuyện với thật nhiều người Nhật ở nhiều bối cảnh khác nhau, xem phim Nhật và quan sát thật kỹ xem hội thoại đó trong bối cảnh nào, của ai nói và đối phương ở đây là người như thế nào, sử dụng cách nói ra sao. Chúng ta cùng quan sát bảng “Các phong cách giao tiếp khác nhau” và so sánh cách nói nhé!

2. 男性と女性の話し方の違い Sự khác nhau trong cách nói giữa Nam và Nữ

日本語の小説を読んでいると、話し方でそれが男性か女性かすぐに分かることがあります。

特にくだけた話し方では、男女の話し方に違いが見られます。下の会話は、男女のどちらが話しているか、考えてみてください。

Nếu chúng ta đọc tiểu thuyết thì chúng ta sẽ hiểu rất rõ cách nói khác nhau giữa Nam và Nữ. Đặc biệt trong cách nói thân mật xuống xã, chúng ta thấy sự khác nhau giữa Nam và Nữ. Chúng ta cùng suy nghĩ xem hội thoại bên dưới, nam hay nữ đang nói nhé:

A : 「あ～、お腹、すいたなあ」

B : 「俺も腹へった。この辺にうまいトンカツの店があるんだぜ。食いに
行こうか。おごるよ」

A : 「いやよ、トンカツは。カロリーが高いから」

B : 「なんだ、じゃ、俺、一人で
行こうって」

A : 「あ、待って！その店、おいしいんですよ。やっぱり、わたしもいくわ！」

B : 「じゃ、今から行くぞ！」

A: “ a, đói bụng quá”

B: “anh cũng đói quá. Ở gần đây hình như là có quán tokatsu ngon lắm. Mình đi ăn đi. Anh chiêu đãi”

A: “Không, Tonkatsu nhiều calo lắm”

B: “Cái gì? Vậy, anh sẽ đi một mình”

A: “hả, vậy đợi em với. Quán đó chắc ngon lắm nên em cũng sẽ đi”

B: “Vậy giờ đi luôn nha”

どうですか。言葉の使い方が随分^{ずいぶん}違いますね。文字では分かりませんが、インターネットもとても違います。友達や恋人や家族と話す時、男性は自分のことを「僕」とか「俺^{おれ}」と言い、女性はたいてい「私」を使います。最近^{おれ}は男女の差が小さくなって、上の例のように、文末に「わ」「わよ」を使う女性や「ぜ」「ぞ」を使う男性は少なくなっていますが、でも、女性が「俺^{おれ}も腹^{はら}へった」と言ったり、男性が「いやよ！」と言ったら、びっくりされてしまいます。話し方の差が小さくなくても、使わない方がいい表現^{ひょうげん}もあるということを知っておいて下さい。

Các bạn thấy thế nào. Cách sử dụng từ vựng khá là khác nhau nhỉ. Có thể nhìn vào câu chữ thì chưa thấy nhưng để ý vào giọng điệu bạn sẽ thấy sự khác nhau rất rõ. Gần đây, sự phân biệt giữa nam và nữ đang dần rút ngắn, càng ngày càng có ít nữ giới dùng như 「わ」「わよ」 hay nam giới dùng 「ぜ」「ぞ」 như ở trên. Tuy nhiên, tôi cũng đã rất ngạc nhiên khi thấy con gái nói rằng 「俺も腹へった」 hay con trai nói rằng 「いやよ！」. Sự khác nhau trong cách nói dù ngày càng giảm đi nhưng chúng ta vẫn nên biết cách nói nào nên dùng và không nên dùng.

3. 文末の省略^{ぶんまつ しょうりやく}と言葉の短縮形^{たんしゅくけい}

Lược bỏ phần cuối câu và Rút gọn từ vựng

日本語のスピーチスタイルを考える時、文を最後まで言わないスタイルも知っておいた方がいいでしょう。日本人の会話には下の例のように、「～けど」や「～から」や「～し」などで文を終わらせる言い方が多く見られます。

「読み方が分からないんですけど。。。」（教えてくれませんか）

「何回も電話をしたんですけど、連絡がないので。。。」（困っています）

「私も忙しいし。。。」（出来ません）

Khi suy nghĩ về cách nói trong tiếng Nhật thì các bạn nên tìm hiểu hình thức không nói hết câu hay còn gọi là cách nói lửng. Trong những câu nói của người Nhật như những câu ví dụ dưới đây ta thường thấy có những từ ở cuối câu như “~kedo”, “~kara”, “~shi” v.v...

“Yomikataga wakaranaindesukedo”(Oshiete kuremasen ka?)

Dạ em không biết cách đọc...(Anh bào cho em được không?)

“Nankaimo denwawo shitan desukedo renrakuga nainode...”

(Komatteimasu)

Em gọi điện mấy lần rồi mà không thấy trả lời...(đành chịu)

“Watashimo isogashiishi...” (Dekimasen)

Mà em cũng bận lắm cơ...(không thể làm được)

これは言いにくいことをはっきり言わない言い方です。例えば、パーティーに誘われて断りたい時、「今週の土曜日は都合が悪くて、行けません」と言うより「今週の土曜日は、ちょっと。。。」のようにあまりはっきり言わない方が相手の気分を悪くしません。

Đây là những cách nói không nói rõ ý khó nói. Ví dụ Khi được mời đi dự tiệc mà bản thân mình muốn từ chối thì không nói rõ ý muốn từ chối vì sợ làm cho bạn mất lòng.

“Konshuno doyobiwa chotto...”

Thứ bảy này tôi có việc ...

「...」の部分で、お願いや断りの意味を相手に分かってもらうのです。これは、相手の気持ちを大切にする日本人の考え方が日本語に表れている表現の一つですから、「...」が使えるようになると、会話が上手に聞こえます。また、話し言葉では、言葉を簡単に短くして言う言い方もよく使われます。例えば、次のような例です。

Phần “.....” ở cuối câu, người nghe sẽ hiểu nguyện vọng hoặc ý từ chối. Đây là một trong những cách thể hiện bằng ngôn ngữ về suy nghĩ của người Nhật rất trân trọng tình cảm của bạn mình. Khi các bạn biết cách dùng câu chấm lửng ở cuối câu thì việc nghe người Nhật nói sẽ hiểu ngay. Đồng thời trong văn nói, người Nhật hay dùng cách rút gọn ngôn từ trong câu. Ví dụ những câu sau đây.

「ユネスコというのは、何ですか」 → 「ユネスコって、何ですか」

「忘れてしまった」 → 「忘れちゃった」 「飲んでしまう」 → 「飲んじゃう」

「買っておいだ」 → 「買ったいた」 「見せてあげる」 → 「見せたげる」

“UNESCO toiunowa nan desuka ?”

→ “UNESCOtte nan desu ka ?” *UNESCO là gì hả anh ?*

“Wasureteshimatta” → “Wasurechatta” *Quên mất rồi.*

“Nondeshimau” → “Nonjau” *Uống hết đi.*

“Katteoita” → “Kattoita” *Mua trước rồi.*

“Miseteageru” → Misetageru” *Cho (ai) xem.*

英語でも “I want to go.” が “I wanna go” となったり、“Ask him.” が “Ask'im.” となったりしますね。Trong tiếng Anh “I want to go” sẽ nói thành “I wanna go” “Ask him” sẽ nói thành “Ask'im”.

こういう言い方は英語が出来ない外国人にはなれるまで大変です。

同じように、日本語の短縮形も使えるようになるためには時間がかかるのです。Những cách nói như thế đối với người chưa học tiếng Anh thì không hiểu được. Vì vậy, các bạn muốn hiểu và dùng được cách rút gọn ngôn từ trong tiếng Nhật thì còn phải có thêm thời gian học và luyện tập.

4. 文の倒置 どうち *Đảo ngược vị trí thành phần trong câu*

日本語の会話では、文の倒置もよく見られます。

Dạng văn nói trong tiếng Nhật rất hay dùng cách đảo ngược vị trí thành phần trong câu.

「ごめん、れんらく連絡しなくて」

「今晚のパーティーには行けないんです。宿題があるので」

「傘持っていないんだ。雨、ふ降ってきたけど」

“Gomen renrakushinakute”

Xin lỗi ! Tôi quên báo cho bạn.

“Kombanno party niwa ikenaindesu. Shukudaiga arunode”

Buổi tiệc tối nay tôi không đến được. Vì phải làm bài tập.

“Kasa mottenainda. Ame futtekitakedo”

Quên không mang ô. Trời lại mưa rồi !

上の文では一番言いたいことを初めに言って、その後で理由や状況を説明しています。このような話し方も日本語の特徴の一つです。この形は 2.男性と女性の話し方の違いにも例が見られます。2.の会話文に戻って、どんな例があるか見てみましょう。

Những câu trên đáng lẽ phải nói điều muốn nói ở ngay đầu câu, sau đó mới giải thích lý do, tình tiết cụ thể. Cách nói này cũng là một trong những đặc điểm của tiếng Nhật. Hình thức này các bạn có thể thấy các ví dụ ở phần 2 “Sự khác nhau trong cách nói giữa nam và nữ”. Trở lại phần 2 những câu hội thoại, các bạn hãy xem có những câu ví dụ nào theo hình thức đảo ngược thành phần trong câu ?

1. 5. 書き言葉スタイル *Hình thức văn viết*

話し言葉に色々なスタイルがあるように、書き言葉にも色々なスタイルがあります。日本語が上手になるためには、書く時にどんなスタイルを使ったらいいかも勉強する必要があります。例えば、携帯電話を使って友達に短いメッセージを送る時には、その友達と話す時のようなくだけた表現を使うかもしれません。手紙を書く時は普通「です・ます体」、作文を書く時は「です・ます体」を使うことも「だ体」を使うこともあるでしょう。また、論文を書く場合には「だ体/である体」を使うことが多いです。

書くスタイルは、何を書くか、誰が読むかによって使い分けなくてはいけないため、どのスタイルを選ぶかだけでなく、言葉の選び方も大切です。例えば、「だ体/である体」の論文では「すごく面白い」とか「とても面白い」ではなくて「大変興味深い」と書いた方がいいのです。それは「すごい」や「とても」より「大変」の方が、そして「面白い」より「興味深い」の方が書き言葉的だからです。書く時には書くスタイルに合った書き言葉的表現、そして、

話す時には話すスタイルに合った話し言葉^{てきひょうげん}的表現があることを覚えておいて下さい。

Cũng như ngôn ngữ nói, ngôn ngữ viết cũng có nhiều hình thức. Khi muốn giới thiệu Nhật thì các bạn cần phải học để cũng có thể sử dụng được các hình thức trong văn viết. Ví dụ : khi dùng điện thoại di động để gửi tin nhắn cho bạn bè thì cũng có thể dùng cách nói thân mật như khi nói chuyện với bạn. Khi viết thư hay khi viết văn thường dùng “thể desu- masu” thì cũng có thể dùng “thể da”. Còn khi viết luận văn thì phần nhiều dùng “thể da/ thể dearu”.

Hình thức viết cần phải phân biệt cách viết tùy theo nội dung viết gì, viết cho ai đọc, cho nên điều quan trọng không phải chỉ là chọn hình thức nào mà còn phải chọn ngôn từ nữa. Ví dụ trong luận văn dùng “thể da/ thể dearu” thì không dùng ngôn từ “Sugoku omoshiroi” hay “Totemo omoshiroi” mà nên viết là “Taihen kyomibukai”. Bởi vì “Taihen” (thay cho “Sugoku” “Totemo”) và “Kyomibukai” (thay cho “Omoshiroi”) là những ngôn từ dùng trong văn viết. Các bạn hãy nhớ rằng khi viết thì có cách dùng các ngôn từ phù hợp với hình thức văn viết, còn khi nói thì cũng có cách dùng các ngôn từ phù hợp với hình thức văn nói.

(“Các hình thức văn viết” xem trang 31 sách giáo khoa)